

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VÀ XEM XÉT: BAN CHỈ ĐẠO ISO

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét
Họ tên	Hoàng Thị Phi Nga	Nguyễn Song Toàn
Chữ ký		
Chức vụ	Phó Chánh Văn phòng	Chánh Văn phòng

KIỂM TRA VÀ PHÊ DUYỆT: LÃNH ĐẠO SỞ

Trách nhiệm	Kiểm tra và Phê duyệt
Họ tên	Trần Đình Hiệp
Chữ ký	
Chức vụ	Phó Giám đốc Sở

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

1. MỤC ĐÍCH

Mô tả về phương pháp tổ chức quản lý có tính hệ thống của Sở, mô tả tóm lược việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và xác định rõ phạm vi áp dụng nhằm hướng dẫn CBCC, người lao động nắm rõ và tuân thủ thực thi.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (điều 4.3)

4. ĐỊNH NGHĨA, TỪ VIẾT TẮT

HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng.

TCVN: Tiêu chuẩn Việt nam

NN&PTNT: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

5. NỘI DUNG

5.1 Giới thiệu chung Sở

a. Lịch sử hình thành

Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình được thành lập theo quyết định số 513/QĐ-UB ngày 01/6/1996 của UBND tỉnh Quảng Bình trên cơ sở sáp nhập 3 sở: Sở Nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp và Sở Thủy lợi. Khi thành lập Sở gồm 7 phòng ban, 7 đơn vị HCSN và 18 doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc.

Thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ngày 25/3/2008 UBND tỉnh Quảng Bình đã ra quyết định số 528/QĐ-UBND về việc hợp nhất Sở Thủy sản với Sở Nông nghiệp & PTNT thành Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Quảng Bình.

Sau hợp nhất Sở Nông nghiệp & PTNT gồm có 6 phòng ban, 8 đơn vị hành chính, 11 đơn vị sự nghiệp. Hoạt động trong ngành có 04 doanh nghiệp nhà nước (trong đó có 03 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh), 01 Công ty TNHH một thành viên và 07 Công ty cổ phần. Tại Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình có 6 phòng ban, 7 cơ quan hành chính và 8 đơn vị sự nghiệp. Hiện nay cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình có 7 phòng, 6 cơ quan hành chính và 8 đơn vị sự nghiệp.

Kể từ ngày thành lập đến nay đã có sự đóng góp tích cực cho ổn định và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Sản lượng lương thực ngày tăng; chăn nuôi phát triển cả tổng đàn và chất lượng đàn; sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ngày càng tăng; rừng được bảo vệ và phát triển; nhiều công trình thủy lợi, nước sinh hoạt quy mô lớn được xây dựng; bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc..

- Địa chỉ: Số 15 - Đường Quang Trung - Tp.Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình.

- Điện thoại: 052.821966

- Fax: 052.3821673

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

b. Chức năng nhiệm vụ và tổ chức biên chế

***. Vị trí và chức năng**

1. Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Sở), là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

***. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; quy hoạch phòng, chống thiên tai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức thuộc Sở; dự thảo quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực nông nghiệp của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo Quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về nông nghiệp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y):

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa, xói mòn đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện công tác giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng;

d) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh động vật, thực vật đối với sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định; thực hiện kiểm dịch cửa khẩu về động vật, thực vật theo quy định;

đ) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hoá thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

e) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về giết mổ động vật theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp.

5. Về lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho cấp huyện và cấp xã sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Việt Nam; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về giống cây lâm nghiệp; tổ chức việc bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và rừng giống trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng, chữa cháy rừng;

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

e) Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng và thiết kế công trình lâm sinh; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển cây lâm nghiệp phân tán theo quy định;

g) Hướng dẫn, kiểm tra: việc cho phép mở cửa rừng khai thác và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng là tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được phê duyệt; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.

6. Về diêm nghiệp: Hướng dẫn, kiểm tra việc bảo quản, chế biến muối ở địa phương.

7. Về thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về nuôi trồng, khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản; hành lang cho các loài thủy sản di chuyển khi áp dụng các hình thức khai thác thủy sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác; mùa vụ khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về xác lập khu bảo tồn vùng nước nội địa của địa phương; quy chế quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa do địa phương quản lý và quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, hồ, đầm, phá và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức đánh giá nguồn lợi thủy sản; tổ chức tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định;

đ) Quản lý thức ăn, chế phẩm sinh học, hóa chất để xử lý, cải tạo môi trường dùng trong thủy sản theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

g) Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thủy sản ở các cơ sở sản xuất giống thủy sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thủy sản trên địa bàn theo quy định;

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

h) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tàu cá, bến cá và đăng kiểm, đăng ký tàu cá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định pháp luật; về quy chế và tổ chức quản lý hoạt động của chợ thủy sản đầu mối.

8. Về thủy lợi:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước thủy lợi, công trình thủy lợi và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước thủy lợi; các công trình thủy lợi thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt;

b) Thực hiện các quy định về quản lý sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông, suối trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ đề điều, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ đề điều và ở bãi sông theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; về hành lang bảo vệ đề đối với đề cấp IV, cấp V; việc quyết định phân lũ, chậm lũ đề hồ đề trong phạm vi của địa phương theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn theo quy định.

9. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn Thành phố; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện theo quy định; định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

đ) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông, lâm, thủy sản; lĩnh vực cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Thực hiện công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

11. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông, lâm, thủy sản, muối;

c) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định;

d) Xử lý thực phẩm mất an toàn theo hướng dẫn của Cục quản lý chuyên ngành và quy định pháp luật;

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật;

e) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông theo quy định của pháp luật.

13. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định của pháp luật.

14. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

15. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, diêm nghiệp, phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diễn biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản và hoạt động thống kê phục vụ yêu cầu quản lý theo quy định.

16. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

17. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định của pháp luật.

18. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng, chống thiên tai, chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản của tỉnh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

19. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

21. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

22. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

23. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng, chống thiên tai, chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

24. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng nông thôn mới; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; sa mạc hóa; quản lý buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn Thành phố.

25. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

26. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của văn phòng, phòng chuyên môn nghiệp vụ, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

27. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

28. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật, theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

29. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

30. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

***. Cơ cấu tổ chức**

1. Lãnh đạo Sở:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

b) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Giám đốc Sở khác, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở;

c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở phụ trách một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

d) Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chức danh của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và theo quy định của pháp luật. Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không kiêm nhiệm Chi cục trưởng. Trường hợp phải kiêm nhiệm thì thời gian kiêm nhiệm không quá 12 tháng. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- d) Phòng Tổ chức cán bộ;
- đ) Phòng Quản lý xây dựng công trình;
- e) Phòng Khoa học Công nghệ Môi trường và HTQT;
- f) Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

3. Các Chi cục thuộc Sở:

- a) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- b) Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- c) Chi cục Kiểm lâm;
- d) Chi cục Thủy sản;
- đ) Chi cục Thủy lợi
- e) Chi cục Phát triển nông thôn.

4. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

- a) Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư;
- b) Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;
- c) Trung tâm Giống vật nuôi;
- d) Trung tâm Giống thủy sản;
- đ) Trung tâm Quy hoạch thiết kế Nông lâm thủy sản;
- e) Ban Quản lý Cảng cá;
- f) Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và PTNT;
- g) Ban Quản lý Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong.

c. Các thành tích đạt được

- Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua trong phong trào Thi đua yêu nước năm 2007 (theo Quyết định số 631/QĐ-TTg ngày 26/5/).

- Bộ Nông nghiệp và PNTT tặng Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2005 (theo Quyết định số 620/QĐ-BNN-VP ngày 08/3/2006).

- Bộ Nông nghiệp và PNTT tặng Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2006 (theo Quyết định số 397/QĐ-BNN ngày 12/2/2007).

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

- Bộ Nông nghiệp và PNTT tặng Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2009 (theo Quyết định số 121/QĐ-BNN-TCCB ngày 14/1/2010).

- UBND tỉnh tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2008 (theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 30/3/2009).

- UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2009 (theo Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 26/3/2010).

- Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng Cờ thi đua năm 2012 (theo Quyết định số 3247/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/12/2012).

- UBND tỉnh tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính năm 2013 (theo Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 27/2/2014).

- UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2013 (theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 29/4/2014).

- UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2014 (theo Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 15/4/2015).

- UBND tỉnh tặng Bằng khen trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2010 - 2015 (theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 22/5/2015).

- Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì giai đoạn 2010 - 2014 (theo Quyết định số 1699/QĐ-CTN ngày 11/8/2015).

5.2 Giới thiệu chung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Điều khoản tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	Tài liệu viện dẫn
1. PHẠM VI ÁP DỤNG	Sở NN&PTNT bám sát tiêu chuẩn và mô hình khung HTQLCL của Bộ KH&CN để xác định phù hợp
2. TÀI LIỆU VIỆN DẪN	Sở NN&PTNT bám sát các tài liệu viện dẫn có liên quan đến HTQLCL để áp dụng
3. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA	Nghiên cứu và bám sát theo TCVN ISO 9000:2015
4. BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC	
4.1. Hiểu tổ chức và bối cảnh của tổ chức:	Định kỳ (quý I hàng năm), Sở NN&PTNT tập trung nhận diện bối cảnh hoạt động, bao gồm: chính sách và các văn bản pháp luật nhà nước hiện hành có liên quan, các vấn đề trong nội bộ như cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm quyền hạn, các điều kiện về nguồn lực, phương pháp trao đổi thông tin, những

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

	bắt cập phát sinh ... tổ chức thành lập nhóm phân tích, tập trung xác định các rủi ro và cơ hội nhằm định hướng cho các hành động giải quyết rủi ro hoặc tận dụng các cơ hội khi có. Tài liệu liên quan: <i>Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (QT 04)</i>
4.2. Hiểu nhu cầu và mong đợi của các bên quan tâm:	Sở NN&PTNT thường xuyên lưu tâm đến sự ảnh hưởng xuất phát từ nhu cầu và mong đợi của bên quan tâm bao gồm: Sự chỉ đạo của Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh, các cơ quan phối hợp, các tổ chức, công dân. Tập trung xem xét và nhận định các rủi ro, cơ hội và cũng đưa ra định hướng kịp thời cho các hành động giải quyết như mục 4.1 nêu trên. Tài liệu liên quan: <i>Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (QT 04)</i>
4.3. Xác định phạm vi của Hệ thống quản lý chất lượng	Sở NN&PTNT bám sát Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ để xác định phạm vi áp dụng, bao gồm: - Tập trung xây dựng và áp dụng HTQLCL đối với các hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo các quyết định hiện hành của UBND thành phố. - Bảo đảm sự tham gia của lãnh đạo, các bộ phận và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL. - Các hoạt động nội bộ, hoạt động khác của Sở NN&PTNT nếu xét thấy cần thiết để nâng cao hiệu quả công tác như: quản lý văn bản đi đến, tạm ứng thanh toán nội bộ, nghỉ phép nghỉ việc riêng, xử lý sự cố công nghệ thông tin
4.4. Hệ thống quản lý chất lượng và các quá trình của hệ thống	Hệ thống quản lý chất lượng là một phần trong hệ thống quản lý chung của Sở NN&PTNT. Xuất phát từ thực tiễn hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, các quy định của văn bản pháp luật, các chương trình cải cách hành chính như cơ chế một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4, ứng dụng CNTT trong xử lý văn bản, Sở NN&PTNT tập trung hệ thống hóa, lồng ghép và sử dụng cùng một cấu trúc về các yêu cầu như đã nêu trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 để điều hành. Sở NN&PTNT tập trung tiếp cận hệ thống theo quá trình bằng cách nhận biết và quản lý từng quá trình cụ thể, từ đó sẽ giảm thiểu được các kết quả đầu ra không phù hợp tiềm ẩn được phát hiện trong các quá trình cuối cùng hoặc sau khi chuyển giao. Sở NN&PTNT xác định và thiết lập các thủ tục, quy trình chuẩn (thông tin dạng văn bản) để hỗ trợ việc thực hiện các quá trình. Thường xuyên duy trì và cập nhật hệ thống thủ tục, quy trình khi có sự thay đổi của văn bản pháp luật, TTHC (tối đa sau 90 ngày

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

	<i>có hiệu lực</i>) theo quy định của Quyết định 19/2014/QĐ-TTg. Tài liệu liên quan: <i>PL.01 Sơ đồ tương tác các quá trình Hệ thống quản lý chất lượng.</i>
5. SỰ LÃNH ĐẠO	
5.1. Sự lãnh đạo và cam kết	*. Lãnh đạo Sở NN&PTNT nhận định rõ vai trò, hiệu quả và lợi ích của hệ thống, do vậy quan tâm chỉ đạo và luôn cam kết: - Xây dựng, duy trì, áp dụng và cải tiến thường xuyên hiệu quả, hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của Sở NN&PTNT. - Quán triệt và chỉ đạo quyết liệt đối với trách nhiệm của lãnh đạo các bộ phận và CBCC tại vị trí công tác. - Thường xuyên tổ chức các cuộc họp riêng về Hệ thống hoặc kết hợp với họp giao ban, đột xuất để nghe báo cáo kết quả thực hiện hệ thống từ các phòng chuyên môn. - Đảm bảo các cam kết Chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng được thiết lập và phù hợp với định hướng chiến lược và bối cảnh qua từng giai đoạn của Sở NN&PTNT. - Xem xét và xử lý trách nhiệm của những CBCC không tuân thủ và áp dụng hệ thống. *. Hướng vào tổ chức, cá nhân Với phương châm “Tận tụy, trách nhiệm, hiệu quả”, tập thể lãnh đạo, CBCC Sở NN&PTNT luôn định hướng và nâng cao sự thỏa mãn của tổ chức, cá nhân. Điều này được thực hiện bằng cách tổ chức bài bản, chặt chẽ các điều kiện tiếp dân qua bộ phận 01 cửa. Tuân thủ chặt chẽ Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP về cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông.
5.2. Chính sách	Chính sách chất lượng được tập thể Lãnh đạo Sở NN&PTNT nghiên cứu, xây dựng theo hướng cam kết về đường lối, phương hướng hoạt động và tinh thần trách nhiệm của CBCC, được công bố nhằm tạo niềm tin cho tổ chức/cá nhân, các cơ quan hữu quan và kêu gọi CBCC bám sát thực thi, cụ thể: + Làm bảng hiệu lớn treo tại bộ phận Một cửa của Sở NN&PTNT + Tổ chức phổ biến thấu hiểu đến CBCC Vào những giai đoạn cần thiết, sẽ điều chỉnh, cải tiến và cập nhật lại. Tài liệu liên quan: <i>Chính sách chất lượng (CSCL)</i>
5.3. Vai trò, trách nhiệm và	Lãnh đạo Sở NN&PTNT phân công các trách nhiệm và quyền hạn cho tất cả các vị trí liên quan. Các trách nhiệm và quyền hạn

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

quyền hạn trong tổ chức	này được phổ biến thông qua các cuộc họp, phân công nhiệm vụ qua các văn bản quy định hoặc mô tả các vị trí công việc Lãnh đạo Sở NN&PTNT xác định các trách nhiệm và quyền hạn nhằm: 1. Đảm bảo rằng hệ thống quản lý phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành; 2. Đảm bảo rằng các quá trình đạt được các đầu ra dự kiến; 3. Báo cáo về kết quả thực hiện của hệ thống quản lý; 4. Cung cấp các cơ hội để cải tiến hệ thống quản lý; 5. Đảm bảo sự hướng vào tổ chức/cá nhân trong toàn bộ cơ quan; 6. Đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống quản lý khi có sự thay đổi đối với hệ thống quản lý được hoạch định và thực hiện.
6. HOẠCH ĐỊNH	
6.1. Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội	Từ kết quả phân tích rủi ro và cơ hội tại điều 4.1 và 4.2 (định kỳ theo năm), Sở NN&PTNT lập Kế hoạch giải quyết rủi ro và cơ hội đảm bảo chặt chẽ: + Biện pháp thực hiện + Trách nhiệm thực hiện + Thời gian hoàn thành + Kết quả dự kiến đạt được Kế hoạch được phổ biến, quán triệt đến từng bộ phận, cá nhân bám sát để tổ chức thực hiện. Định kỳ, Quý IV hàng năm, Ban chỉ đạo ISO thực hiện đánh giá hiệu lực giải quyết rủi ro và cơ hội theo kế hoạch đã ban hành. Tài liệu liên quan: <i>Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (QT 04)</i>
6.2. Mục tiêu chất lượng và hoạch định để đạt được mục tiêu	Nhằm cải tiến liên tục hiệu lực và hiệu quả của HTQLCL, lãnh đạo Sở NN&PTNT xác định và thiết lập mục tiêu chất lượng chung của Sở và chỉ đạo các phòng chuyên môn thiết lập mục tiêu riêng của phòng mình, đảm bảo rằng: - Nhất quán với Chính sách chất lượng; - Đo lường được; - Được truyền đạt, theo dõi, cập nhật khi thích hợp;

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

	- Duy trì thông tin dạng văn bản về mục tiêu chất lượng. Định kỳ (năm/lần), các bộ phận tổng hợp, đánh giá kết quả theo báo cáo mục tiêu chất lượng
6.3. Hoạch định thay đổi	Khi thấy phải có sự thay đổi về phạm vi áp dụng hệ thống, lĩnh vực hoạt động, văn bản pháp luật nhà nước, cơ cấu tổ chức, thẩm quyền trách nhiệm có tác động đáng kể đối với hệ thống quản lý chất lượng, các phòng chuyên môn báo cáo Ban chỉ đạo ISO thông qua phiếu đề nghị sửa đổi tài liệu (quy định tại QT 01) để xem xét và hoạch định kịp thời nhằm cập nhật, điều chỉnh những sự thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng. Tài liệu liên quan: <i>Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản QT 01</i>
7. HỖ TRỢ	
7.1. Nguồn lực	
7.1.1. Khái quát	Sở NN&PTNT xác định và cung cấp các nguồn lực cần thiết bao gồm (<i>nhân lực, vật lực và tài lực</i>) với mục đích: 1. Thực hiện, duy trì và cải tiến liên tục hiệu lực của HTQLCL. 2. Nâng cao sự thỏa mãn tổ chức/cá nhân bằng cách đáp ứng các yêu cầu. Thực hiện việc phân bổ nguồn lực có xem xét đến năng lực và hạn chế của các nguồn lực hiện tại. Các nguồn lực và phân bổ nguồn lực sẽ được đánh giá trong quá trình xem xét của Lãnh đạo.
7.1.2. Con người	Lãnh đạo Sở NN&PTNT đảm bảo cung cấp đầy đủ nhân lực cho việc vận hành hiệu quả các HTQLCL cũng như các quá trình được nhận diện. CBCC được phân công giải quyết TTHC đều đủ năng lực trên cơ sở giáo dục, đào tạo, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp. Việc đào tạo và trao đổi thông tin sau đó sẽ được thực hiện nhằm đảm bảo rằng các nhân sự đều nhận thức được: a) Chính sách chất lượng; b) Các mục tiêu chất lượng liên quan; c) Sự đóng góp của họ đối với hiệu lực của HTQLCL, bao gồm các lợi ích cho việc thực hiện cải tiến; d) Hậu quả của việc không tuân thủ các yêu cầu của HTQLCL.
7.1.3. Cơ sở hạ	Văn phòng Sở có trách nhiệm tham mưu lãnh đạo nhằm đảm bảo

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

tầng	các điều kiện cơ sở hạ tầng phù hợp trong từng phòng chuyên môn, hội trường, phòng họp, bộ phận Một cửa theo đúng các quy định và đảm bảo các điều kiện cần và đủ phục vụ tốt công việc. Các thiết bị văn phòng, CNTT, IT được quan tâm bảo trì, sửa chữa nhằm đảm bảo năng lực phù hợp trong quá trình tổ chức công việc và giải quyết TTHC.
7.1.4. Môi trường cho việc thực hiện các quá trình	Sở NN&PTNT đảm bảo duy trì môi trường làm việc khoa học, chuyên môn hóa cao tại tất cả các phòng chuyên môn. Thực hiện chuẩn mực kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại các vị trí công tác
7.1.5. Nguồn lực theo dõi và đo lường	Kết quả của dịch vụ hành chính là các văn bản hành chính được CBCC tham mưu chặt chẽ theo chuyên môn nghiệp vụ, Sở NN&PTNT đảm bảo các kết quả này luôn đúng và đáng tin cậy phù hợp với các yêu cầu của pháp luật và yêu cầu của tổ chức/cá nhân, cụ thể: - Phân công những CBCC có năng lực để trực tại bộ phận 01 cửa để kiểm tra, tiếp nhận, xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của các hồ sơ, yêu cầu đầu vào. - Kiểm soát chặt chẽ kết quả giải quyết TTHC hành chính trước khi phê duyệt và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. Ghi chú: Sở NN&PTNT không sử dụng các thiết bị đo lường nên hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn là không có.
7.1.6. Tri thức của tổ chức	Sở NN&PTNT cũng xác định các tri thức cần thiết cho việc vận hành các quá trình và đạt được sự phù hợp của dịch vụ. Tri thức được xác định bao gồm các kiến thức và thông tin có được từ: a) Các nguồn lực nội bộ, như các bài học, các kiến thức từ các chuyên gia, và / hoặc các tài sản trí tuệ. b) Các nguồn lực bên ngoài như các tiêu chuẩn, giới học giả, các hội thảo, và / hoặc các thông tin thu thập được từ các bên liên quan. Các tri thức này sẽ được phổ cập và chia sẻ rộng rãi nhằm nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực CBCC như thao tác và sử dụng các phần mềm CNTT, thể thức trình bày văn bản theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP
7.2. Năng lực	Sở NN&PTNT đảm bảo rằng những người làm việc dưới sự kiểm soát của mình mà có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động và hiệu lực của HTQLCL sẽ có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm cần thiết. Để thực hiện được điều này Sở sẽ: 1. Phân công những CBCC năng lực và kinh nghiệm phù

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

	hợp với yêu cầu của của công việc. - Thực hiện các hoạt động tập huấn, đào tạo khi có nhu cầu. - Tiến hành đánh giá hiệu lực của các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của CBCC. - Lưu giữ thông tin dạng văn bản để chứng minh cho năng lực của CBCC.
7.3. Nhận thức	Sở NN&PTNT đảm bảo rằng CBCC sẽ được quán triệt và nhận thức rõ: - Chính sách chất lượng. - Các mục tiêu chất lượng liên quan. - Sự đóng góp của họ vào hiệu lực của HTQLCL, bao gồm cả các lợi ích của việc cải tiến kết quả hoạt động. Để thực hiện điều này Sở tập trung: - Niêm yết và phổ biến chính sách chất lượng. - Công bố mục tiêu chất lượng và phổ biến kế hoạch thực hiện. - Thực hiện các khóa tập huấn về TCVN ISO 9001:2015 và HTQLCL. - Đánh giá mức độ thông qua các cuộc thi tìm hiểu hoặc họp giao ban, họp đột xuất
7.4. Trao đổi thông tin	Sở NN&PTNT đảm bảo việc trao đổi thông tin liên quan đến hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện. Các phương thức trao đổi thông tin bao gồm: + Tiếp dân, phân loại và xử lý đơn thư + Tổ chức các cuộc họp (định kỳ, theo kế hoạch hoặc đột xuất) để thảo luận các vấn đề của Hệ thống quản lý chất lượng. + Tổ chức họp thảo luận và tham vấn với các CBCC + Thông qua các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất + Sử dụng các phương tiện truyền thông như email, điện thoại, văn bản + ... và nhiều phương thức khác
7.5. Thông tin dạng văn bản	Thông tin dạng văn bản của Hệ thống quản lý chất lượng bao gồm cả (tài liệu, hồ sơ và dữ liệu): Tài liệu: được Sở NN&PTNT tập trung từ việc tham mưu trình bày văn bản hành chính đảm bảo về nội dung và thể thức theo

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

	quy định tại các phòng chuyên môn. Thực hiện phân loại, sắp xếp khoa học tài liệu bên ngoài (gồm văn bản pháp luật hiện hành, các tài liệu tham khảo), thiết lập danh mục để tổng hợp và chỉ dẫn tra cứu, sử dụng. Thống nhất việc xây dựng, ban hành, cấp phát, sửa đổi tài liệu hệ thống quản lý chất lượng. Tổ chức quản lý chặt chẽ tài liệu vào ra Sở (công văn đi, công văn đến). Hồ sơ: Các phòng chuyên môn tập trung sắp xếp khoa học, trực quan từ việc đánh mã số tử, ngăn ô tử lưu, đánh tên thống nhất cho các cặp, file, cặp ba dây, túi cài chứa đựng hồ sơ và lập danh mục chỉ dẫn hồ sơ. Dữ liệu: Thực hiện lưu trữ khoa học các hồ sơ dạng file số, thống nhất đường dẫn, phân chia thư mục, sắp xếp ngăn thư mục.. đảm bảo khoa học, lưu trữ dữ liệu dễ tìm, dễ tra cứu. Tài liệu liên quan: <i>Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản QT 01</i>
8. THỰC HIỆN	
8.1. Hoạch định và kiểm soát việc thực hiện	Sở NN&PTNT thường xuyên hoạch định và xây dựng các quá trình cần thiết cho việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và cung cấp các dịch vụ hành chính công. Cụ thể: + Xây dựng chuẩn các quy trình giải quyết TTHC hoặc nội bộ cần thiết khác để lập kế hoạch cho việc thực hiện. + Áp dụng các biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP để kiểm soát. + Tuân thủ chặt chẽ các phần mềm theo quy định của UBND thành phố để cập nhật và kiểm soát. Tài liệu liên quan: <i>Các quy trình giải quyết TTHC thuộc các lĩnh vực theo danh mục tài liệu HTQLCL</i>
8.2. Yêu cầu đối với sản phẩm và dịch vụ	
8.2.1. Trao đổi thông tin với tổ chức/cá nhân	Sở NN&PTNT thực hiện việc trao đổi thông tin một cách hiệu quả với tổ chức/cá nhân bao gồm: 1. Cung cấp các thông tin liên quan đến dịch vụ hành chính công (thông qua việc niêm yết đầy đủ các TTHC theo quyết định hiện hành tại bộ phận 01 cửa) 2. Xử lý các yêu cầu của các tổ chức, cá nhân bao gồm cả những yêu cầu thay đổi; 3. Tiếp nhận các phản hồi liên quan đến dịch vụ, bao gồm cả các khiếu nại;

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

	4. Xử lý hoặc kiểm soát các tài sản (hồ sơ gốc tổ chức, cá nhân nộp vào Sở).
8.2.2. Xác định các yêu cầu đối với sản phẩm và dịch vụ	Trong quá trình thực hiện các dịch vụ hành chính công, Sở NN&PTNT sẽ nắm bắt: 1. Các yêu cầu cụ thể của TTHC 2. Các yêu cầu chưa được tuyên bố nhưng cần thiết cho sử dụng cụ thể hoặc có ý định sử dụng như bì kẹp hoặc túi cài đề lưu trữ, bảo quản hồ sơ của công dân. 3. Các yêu cầu luật định và chế định liên quan đến dịch vụ; 4. Các yêu cầu khác mà Sở tự xác định ở những thời điểm khác nhau.
8.2.3. Xem xét các yêu cầu đối với sản phẩm và dịch vụ	Khi các yêu cầu được xác định, Sở NN&PTNT sẽ xem xét các yêu cầu này trước khi cam kết cung cấp dịch vụ. Việc xem xét này nhằm đảm bảo rằng: 1. Các yêu cầu giải quyết TTHC được xác định hợp lệ so với các quy định hiện hành; 2. Sở NN&PTNT có đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu đã xác định hoặc các khiếu nại đối với TTHC mà Sở đã cung cấp; 3. Các rủi ro đã được xác định và xem xét.
8.2.4. Thay đổi yêu cầu đối với sản phẩm và dịch vụ	Những trường hợp khi có sự thay đổi (do lý do khách quan, do quy định luật pháp hoặc do chính yêu cầu của tổ chức/cá nhân), Sở NN&PTNT sẽ có văn bản đề thông tin, được chấp thuận về những sự thay đổi đó nhằm thông báo kịp thời đến tổ chức/cá nhân, các bên liên quan và có phương án giải quyết tốt nhất
8.3. Thiết kế và phát triển sản phẩm và dịch vụ	Sở NN&PTNT không áp dụng điều này với lý do: Là cơ quan quản lý nhà nước, thực hiện theo các quy định của văn bản pháp luật hiện hành; nên không thực hiện việc thiết kế - phát triển.
8.4. Kiểm soát quá trình, sản phẩm, dịch vụ do bên ngoài cung cấp	Khi có sử dụng các sản phẩm, dịch vụ do các nhà thầu cung cấp như: mua sắm thiết bị văn phòng, tài sản công, các dịch vụ tư vấn, viết các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin ... Sở tập trung kiểm soát từ thông tin của nhà cung cấp bên ngoài như tư cách pháp nhân, năng lực, uy tín ... thực hiện các hoạt động đánh giá và lựa chọn cẩn thận nhằm đảm bảo các sản phẩm, dịch vụ được cung cấp có chất lượng phục vụ tốt cho các hoạt động quản lý nhà nước và giải quyết TTHC

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

8.5. Sản xuất và cung cấp dịch vụ	
8.5.1. Kiểm soát sản xuất và cung cấp dịch vụ	Nhằm kiểm soát việc giải quyết TTHC, Sở NN&PTNT đảm bảo: 1. Tính sẵn có của các tài liệu hoặc hồ sơ để xác định các đặc tính của TTHC cũng như các kết quả đạt được; 2. Tính sẵn có và việc sử dụng các nguồn lực giám sát và đo lường phù hợp; 3. Thực hiện việc các hoạt động giám sát và đo lường; 4. Việc sử dụng cơ sở hạ tầng và môi trường phù hợp; 5. Việc chỉ định những CBCC có năng lực; 6. Việc thực hiện các hành động nhằm ngăn ngừa các sai lỗi của CBCC; 7. Thực hiện các hoạt động thông qua, chuyển giao và sau khi chuyển giao kết quả. Các phương thức kiểm soát được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hoặc các phần mềm CNTT Tài liệu liên quan: Phụ lục 02/BMT Biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính)
8.5.2. Nhận biết và truy xuất nguồn gốc	Sở NN&PTNT đảm bảo các hồ sơ sau giải quyết được tổ chức lưu trữ khoa học tại các phòng chuyên môn, đánh danh mục, tên gọi, mã số, nhãn hiệu ... nhằm tăng cường nhận biết và tìm kiếm, sử dụng khi cần thiết.
8.5.3. Tài sản của tổ chức/cá nhân	Trong quá trình tiếp nhận và xử lý các văn bản/hồ sơ của các tổ chức/cá nhân, Sở NN&PTNT đảm bảo nhận biết, lưu giữ, bảo quản, bảo mật các thông tin trong văn bản/hồ sơ của tổ chức/cá nhân cung cấp. Nếu xảy ra trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng thì Sở NN&PTNT sẽ có thông báo cho tổ chức/cá nhân được biết và có cách khắc phục, đồng thời lập và lưu hồ sơ về các trường hợp xảy ra.
8.5.4. Bảo toàn	Sở NN&PTNT từng bước trang bị các phương tiện lưu trữ như tủ, các thùng tôn, hòm, hộp ... nhằm bảo vệ, lưu trữ các kết quả giải quyết công việc, giải quyết TTHC không bị rách ròi, hoặc mối xông, gián nhấm, bảo toàn lịch sử quản lý nhà nước tại địa phương.
8.5.5. Hoạt động	Các kết quả giải quyết TTHC không phù hợp về chất lượng, tiến độ dẫn đến khiếu nại của tổ chức/cá nhân thì Sở NN&PTNT có

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

sau giao hàng	trách nhiệm: - Khắc phục hậu quả. - Tiến hành điều tra nguyên nhân và thực hiện hành động khắc phục và trao đổi thông tin liên quan đến tổ chức/cá nhân. - Mở phiếu xin lỗi tổ chức/cá nhân theo quy định tại Thông tư 01/2018/TT-VPCP.
8.5.6. Kiểm soát thay đổi	Sở NN&PTNT xem xét và kiểm soát các thay đổi có kế hoạch hoặc đột xuất đối với các quá trình ở mức độ cần thiết nhằm đảm bảo sự phù hợp liên tục với tất cả các quá trình. Những sự thay đổi tác động vào quy trình xử lý sẽ được hiệu chỉnh và cập nhật kịp thời.
8.6. Thông qua sản phẩm và dịch vụ	Sau hoàn thành giải quyết công việc hoặc TTHC, lãnh đạo, CBCC tập trung: - Kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ mà tổ chức/cá nhân nộp. - Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại các vị trí chuyên môn. - Thẩm định thể thức văn bản và nội dung văn bản đối với các kết quả của thủ tục hành chính trước khi được phê duyệt và chuyển giao cho tổ chức/cá nhân.
8.7. Kiểm soát đầu ra không phù hợp	Khi phát sinh những công việc đầu ra không phù hợp như chậm thời gian, tiến độ giải quyết, sai lệch so với quy định văn bản pháp luật, nhầm lẫn hoặc thiếu sót các thông tin của tổ chức/cá nhân hoặc làm mất mát, thất thoát, không nguyên trạng hồ sơ gốc ... đều được các phòng chuyên môn cập nhật Sở theo dõi sự không phù hợp và mở phiếu yêu cầu xử lý, rút kinh nghiệm kịp thời. Tài liệu liên quan: <i>Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp (QT-04)</i>

9. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

9.1. Theo dõi, đo lường, phân tích và đánh giá

9.1.1. Khái quát	Sở NN&PTNT sử dụng HTQLCL nhằm cải tiến các quá trình, những hoạt động cải tiến này nhằm xử lý các nhu cầu và mong đợi của tổ chức/cá nhân cũng như các bên quan tâm khác, ở mức độ có thể. Hoạt động cải tiến sẽ được thực hiện sau khi phân tích các số liệu liên quan đến:
-------------------------	--

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

	Các kết quả phân tích sẽ được sử dụng để đánh giá 1. Sự phù hợp của các hoạt động quản lý nhà nước và dịch vụ hành chính công; 2. Mức độ hài lòng của tổ chức/cá nhân; 3. Kết quả thực hiện và hiệu quả của HTQLCL; 4. Hiệu quả của công tác hoạch định; 5. Hiệu quả của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội; 6. Kết quả thực hiện của các nhà cung cấp bên ngoài; 7. Các chương trình cải tiến HTQLCL.
9.1.2. Sự thỏa mãn của tổ chức/cá nhân	Là một trong các biện pháp đo lường hiệu quả hoạt động của HTQLCL, Sở thực hiện kiểm soát các thông tin liên quan đến cảm nhận của tổ chức/cá nhân để đánh giá xem Sở có đáp ứng được các yêu cầu của tổ chức/cá nhân không. Sở NN&PTNT giao cán bộ trực 01 của tổ chức nội dung này thông qua phát hành phiếu thăm dò ý kiến (theo mẫu quy định của UBND thành phố), tổ chức tổng hợp báo cáo định kỳ về lãnh đạo Sở NN&PTNT.
9.2. Đánh giá nội bộ	Quý IV của năm trước hoặc Quý I của năm, thư ký ban chỉ đạo ISO tham mưu lập Kế hoạch đánh giá nội bộ, thành lập đoàn đánh giá và thông báo chương trình đánh giá chi tiết đến các phòng chuyên môn. Đoàn đánh giá thực hiện nguyên tắc kiểm tra chéo lẫn nhau, đối chiếu và so sánh giữa quy định và kết quả thực hiện, tập trung chỉ dẫn những sự không phù hợp tồn tại. Các phòng chuyên môn tiếp nhận sự chỉ dẫn, đưa ra các hành động khắc phục, cải tiến kịp thời Tài liệu liên quan: Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng (QT 02)
9.3. Xem xét của lãnh đạo	Sau khi có kết quả đánh giá nội bộ, lãnh đạo Sở NN&PTNT tổ chức xem xét HTQLCL. Tập trung xem xét tính hiệu quả, hiệu lực hệ thống quản lý, những bất cập tồn tại, các đề xuất cải tiến... đưa ra các kết luận chỉ đạo kịp thời. Tài liệu liên quan: Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng (QT 06)
10. CẢI TIẾN	
10.1. Khái quát	Sở NN&PTNT phải luôn xác định, lựa chọn cơ hội cải tiến các quá trình; điều chỉnh, ngăn chặn hoặc giảm những tác động không mong muốn trong mỗi quá trình có liên quan đến việc thiết lập, áp dụng và duy trì, và cải tiến HTQLCL.

SỞ NN&PTNT QUẢNG BÌNH	BẢN MÔ TẢ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Mã hiệu: BMTHT
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: 24/11/2021

10.2 Sự không phù hợp và hành động khắc phục	Khi một sự không phù hợp xảy ra liên quan đến quá trình hay nội dung trách nhiệm nào đó, các bộ phận liên quan phải: 1. Nhận biết, có hành động để kiểm soát, xử lý hiện tượng của sự không phù hợp đó theo quy định, xem xét những hậu quả liên quan có thể để xử lý hậu quả đó. 2. Bộ phận phát hiện phải đánh giá liệu có cần phải phân tích nguyên nhân, tiến hành các hành động để loại trừ các nguyên nhân của sự không phù hợp này nhằm không để nó tái diễn hay xảy ra ở những nơi khác. Nếu thấy cần sẽ: - Báo cáo, lập phiếu yêu cầu xem xét và phân tích sự không phù hợp. - Xác định nguyên nhân của sự không phù hợp. - Xác định nếu sự không phù hợp tương tự tồn tại, hoặc có khả năng có thể xảy ra; - Thực hiện bất kỳ hành động cần thiết; - Đánh giá kết quả của bất kỳ hành động khắc phục đã thực hiện; - Cập nhật nguyên nhân này như là một mối rủi ro trong quá trình lập kế hoạch (nếu cần thiết); - Thực hiện thay đổi đối với HTQLCL, nếu cần thiết. - Hành động khắc phục phải thích hợp với tác động của các sự không phù hợp đã xảy ra. Tài liệu liên quan: Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục, phòng ngừa (QT 03)
10.3. Cải tiến liên tục	Sở NN&PTNT thường xuyên nâng cao hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng thông qua việc sử dụng Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, kết quả đánh giá, phân tích dữ liệu, các hành động khắc phục và kết quả cuộc họp xem xét của lãnh đạo. Tài liệu liên quan: Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (QT 04) Quy trình đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng (QT 02) Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục, phòng ngừa (QT 03)